

KẾT QUẢ KINH DOANH

Quý 2 năm 2009

Loại tiền VND					
Chỉ tiêu	Mã số	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	40,308,627,371	45,896,421,441	73,663,016,325	83,340,732,503
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
1. Doanh thu thuần	10	40,308,627,371	45,896,421,441	73,663,016,325	83,340,732,503
2. Giá vốn hàng bán	11	31,984,494,029	38,197,822,973	60,132,653,432	67,475,775,342
3. Lợi nhuận gộp	20	8,324,133,342	7,698,598,468	13,530,362,893	15,864,957,161
4.Doanh thu hoạt động tài chính	21	178,126,012	587,333,948	204,163,203	1,419,129,592
5.Chi phí hoạt động tài chính	22	286,061,582	1,291,785,483	1,038,343,684	2,269,578,518
Trong đó : Lãi vay phải trả	23	286,061,582	1,291,785,483	1,038,343,684	2,269,578,518
6.Chi phí bán hàng	24	1,323,347,542	1,964,325,420	2,035,402,802	2,888,979,405
7.Chi phí Quản lý doanh nghiệp	25	2,181,230,115	2,450,757,015	3,634,747,014	3,913,916,682
8.Lợi tức thuần từ HĐ KD	30	4,711,620,115	2,579,064,498	7,026,032,596	8,211,612,148
9.Thu nhập khác	31	255,043	1,422,357,597	815,043	1,796,241,395
10. Chi phí khác	32	4,957	101	4,957	691
11.Lợi nhuận khác	40	250,086	1,422,357,496	810,086	1,796,240,704
12. Tổng lợi nhuận trước thuế	50	4,711,870,201	4,001,421,994	7,026,842,682	10,007,852,852
13. Thuế thu nhập DN phải nộp	51	1,177,967,550	266,199,245	1,756,710,671	483,376,245
14. Lợi nhuận sau thuế	60	3,533,902,651	3,735,222,749	5,270,132,012	9,524,476,607
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
(*)Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Q1-2009 : 578.743.121 đồng ; Q2-2009 : 1.177.967.550 đồng					
Lũy kế : 1.756.710.671 đồng					

Ngày 20 tháng 07 năm 2009

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

THÁI THANH THỦY

TÔN THẤT MẠNH